TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày 27-12-2021
Vv tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B; địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1990; địa chỉ: 35 Hùng Vương, trị trấn P, huyện N, tỉnh K; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 24/2020/UQ-LienVietPostBankKT ngày 17 tháng 8 năm 2020 của ông Nguyễn Công Tr – Giám đốc Ngân hàng TMCP B - chi nhánh tỉnh Kon Tum và Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 của ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Long Th, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T trình bày: Ngày 22 tháng 11 năm 2017, Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Kon Tum và vợ chồng ông Nguyễn Long Th, bà Nguyễn Thị D có ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD6402017724 để vay số tiền 480.000.000 đồng, phương thức cho vay từng lần, mục đích vay mua ô tô, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất tính theo lãi của Ngân hàng tại thời điểm vay và được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng 01 lần theo mức lãi suất chung của Ngân hàng. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ 480.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng ông Th, bà D thế chấp xe ô tô bán tải pickup cabin kép, nhãn hiệu Mitsubishi Triton 4x4 MT, biển số 82C-042.43, số máy 4D56-UAM4903, số khung KL30HH040740. Việc thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm. Xe này do bà Nguyễn Thị D đứng tên chủ sở hữu.

Trong quá trình vay, vợ chồng ông Th, bà D đã trả được 194.000.000 đồng tiền gốc, 86.569.624 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 27 tháng 12 năm 2021, vợ chồng ông Th, bà D còn nợ của Ngân hàng số tiền 384.087.334 đồng, trong đó nợ gốc 286.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 51.932.722 đồng, nợ lãi quá hạn 39.298.324 đồng, lãi phạt 6.856.288 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc vợ chồng ông Th, bà D trả nợ nhưng vợ chồng ông bà không thực hiện. Do đó Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th, bà D trả cho Ngân hàng số nợ trên. Trường hợp ông bà không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì có căn cứ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP B cho vợ chồng ông Nguyễn Long Th, bà Nguyễn Thị D vay với mục đích mua xe ô tô. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết củaTòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vợ chồng ông Th, bà D cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vợ chồng ông Th, bà D vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật

tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Th, bà D. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3]Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho vợ chồng ông Th, bà D cũng như triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Tuy nhiên vợ chồng ông Th, bà D không có mặt cũng không cung cấp văn bản ý kiến của mình về nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của Ngân hàng cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Mặc dù không có sự thừa nhận của vợ chồng ông Th, bà D nhưng thông qua các hợp đồng thế chấp có xác thực của Văn phòng công chứng cũng như việc đăng ký giao dịch bảo đảm của Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm – Bộ tư pháp thì vợ chồng ông Th, bà D có thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng TMCP B.

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số HDTD6402017724 ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Kon Tum và vợ chồng ông Nguyễn Long Th, bà Nguyễn Thị D thấy rằng vợ chồng ông Th, bà D có ký kết để vay số tiền 480.000.000 đồng, phương thức cho vay từng lần, mục đích vay mua ô tô, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất tính theo lãi của Ngân hàng tại thời điểm vay và được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng 01 lần theo mức lãi suất chung của Ngân hàng. Vợ chồng ông Th, bà D đã nhận giải ngân toàn bộ 480.000.000 đồng.

[5] Vì điều khoản của hợp đồng có thỏa thuận về lãi chậm trả nên áp dụng điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng xét xử chấp nhận khoản lãi chậm trả. Tính đến hết ngày 27 tháng 12 năm 2021, vợ chồng ông Th, bà D còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền theo Hợp đồng là 384.087.334 đồng, trong đó nợ gốc 286.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 51.932.722 đồng, nợ lãi quá hạn 39.298.324 đồng, lãi phạt 6.856.288 đồng. Do ông Th, bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Th, bà D phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt nêu trên.

[6] Theo Hợp đồng tín dụng, để đảm bảo khoản vay hai bên có ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 724/2017/HĐTC/CNKonTum ngày 22 tháng 11 năm 2017 thế chấp xe ô tô bán tải pickup cabin kép, nhãn hiệu Mitsubishi Triton 4x4 MT, biển số 82C-042.43, số máy 4D56-UAM4903, số khung KL30HH040740 do bà Nguyễn Thị D đứng tên chủ sử dụng. Hợp đồng được các bên giao kết phù hợp với các quy định pháp luật, sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an tỉnh Kon Tum cung cấp xe ô tô mà vợ chồng ông Th, bà D dùng để thế chấp vẫn đang lưu hành và do bà D đứng tên chủ sử dụng. Áp dụng các Điều 298, 307, 317, 318, 319, 320 và 322 của Bộ luật dân sự, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nếu vợ chồng ông Th, bà D không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô của bên thế chấp để thu hồi

nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông Th, bà D phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng ông Th, bà D phải chịu là 384.087.334 đồng x 5% = 19.204.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 298, 307, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 4 Điều 13, Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Long Th, bà Nguyễn Thị D trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền là 384.087.334 (ba trăm tám mươi bốn triệu không trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn) đồng, trong đó nợ gốc 286.000.000 (hai trăm tám mươi sáu triệu)đồng, nợ lãi trong hạn 51.932.722 (năm mươi mốt triệu chín trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi hai) đồng, nợ lãi quá hạn 39.298.324 (ba mươi chín triệu hai trăm chín mươi tám nghìn ba trăm hai mươi bốn) đồng, lãi phạt 6.856.288 (sáu triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi tám) đồng.

Kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của Hợp đồng tín dụng số HDTD6402017724 ngày 22 tháng 11 năm 2017 cho đến khi thi hành án xong.

2. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Long Th, bà Nguyễn Thị D không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô bán tải pickup cabin kép, nhãn hiệu Mitsubishi Triton 4x4 MT, biển số 82C-042.43, số máy 4D56-UAM4903, số khung KL30HH040740 do bà Nguyễn Thị D đứng tên chủ sử dụng để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông Nguyễn Long Th, bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Long Th, bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 19.204.000 (mười chín triệu hai trăm lẻ bốn nghìn) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B 9.611.000 (chín triệu sáu trăm mười một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số

0002539 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên